

**CÔNG TY TNHH TM & XNK VIỆT ÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM & XNK VIỆT ÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET UC TM & XNK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET UC TM & XNK CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110704369

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 39, ngách 322/76 đường Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971238366

Fax:

Email: [duocphamvietuc2024@gmail.com](mailto:duocphamvietuc2024@gmail.com) Website:  
m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,                                                                                                                          | 4330        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                              | 4632(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế | 4649 |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663 |
| 7.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0128 |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tởc ký ; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản)<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299 |
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4722 |
| 10. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1079 |
| 11. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>Chi tiết: Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, cầu thang, hàng rào chắn;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1622 |
| 12. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2023 |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Cửa nhựa, cửa sổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2220 |
| 14. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2511 |
| 15. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2790 |
| 16. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(Trừ răng giả)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3250 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; | 4759 |
| 18. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Cơ sở bán lẻ thuốc<br><br>Bán dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                             | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LỤC VĂN DŨNG   | Việt Nam  | Thôn 04, Xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam          | 700.000.000           | 70,000    | 015090002801                                                                                            |         |
| 2   | LƯU THỊ GIỜN   | Việt Nam  | Thôn 04, Xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam          | 300.000.000           | 30,000    | 036191011375                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LỤC VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/11/1990

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015090002801

Ngày cấp: 08/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 04, Xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 04, Xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội